**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHỢ GẠO**
**TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **311/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2024
*V/v tranh chấp "Xin Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

*Các Hội thẩm nhân nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn Bé.**

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Giang.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đỗ Thanh Phong** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Không tham gia.***

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 132/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị A, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn**: Anh Cao Tấn B, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Chị và anh B cưới nhau vào năm 2006 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Chợ Gạo, theo số 23/2006 ngày 11/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Trung C sinh ngày 28/4/2006. Con chung đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là anh Cao Tấn B từ khi Toà án thụ lý đến nay anh B vắng mặt không có lý do và không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

* Tại phiên tòa, chị Trần Thị A có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Cao Tấn B và giải quyết những vấn đề như đơn khởi kiện.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Trần Thị A về việc tranh chấp "ly hôn" với anh Cao Tấn B thuộc trường hợp được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị và anh B cưới nhau vào năm 2006 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Chợ Gạo, theo số 23/2006 ngày 11/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với anh B.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, điều đó chứng tỏ anh B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Trung C, sinh ngày 28/4/2006. Con chung đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

***Xử***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị A được ly hôn với anh Cao Tấn B.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Trung C sinh ngày 28/4/2006. Con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007448 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên chị đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
*-TAND Tỉnh TG;*
*-VKSNDHCG-TG*
*-Chi cục THADSHCG;*
*- Uỷ ban xã N*
*-Những người tham gia tố tụng;*
*-Lưu.*

**Nguyễn Thị Ánh Hồng**